

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2018.

(V/v ly hôn).

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Nga**- Thẩm phán

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Công Hoan**- Giáo viên nghỉ hưu

2. Bà **Vũ Thị Khuôn** - Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Bón** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tường**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 432/2016/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2016 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 630/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 09/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu 16 phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị A nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn vào ngày 13/12/2014 tại UBND phường N, thành phố H trên cơ sở được tự do tìm hiểu nhau. Sau khi cưới vợ chồng sống ở gia đình nhà anh T được ít ngày sau đó về ở tại gia đình chị A ở xã X, huyện Th. Vợ chồng hạnh phúc khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh T không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T

không còn ở cùng với chị nữa. Tháng 6/2017 chị đã làm đơn xin ly hôn, sau đó chị đã suy nghĩ lại và rút đơn khởi kiện nhưng từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, anh T không tận dụng cơ hội để giải quyết mâu thuẫn mà làm cho tình trạng vợ chồng ngày xấu đi, không thể khắc phục được. Đây là lần thứ hai chị xin ly hôn vì tình cảm giữa chị và anh T không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, tiến hành niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, gia đình của chị A, anh T.

Bà Quách Thị Th mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị A cung cấp: Chị A kết hôn với anh T từ năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng được khoảng 20 ngày thì gia đình anh T có phát sinh mâu thuẫn, nên cả hai về gia đình bà sinh sống tại xã X, huyện Th. Anh T không chịu khó lao động, vay tiền của người thân trong gia đình bà, bán cả nhẫn cưới của chị A để tiêu, mặc dù mọi chi phí sinh hoạt được gia đình bà giúp đỡ nhưng tỏ ra không tôn trọng vợ chồng bà, chửi chị A tại gia đình bà, với tính cách và việc ứng xử như vậy không ai hài lòng về anh T. Sau đó anh T không ở nhà bà và không ở với chị A nữa, được khoảng nửa tháng thì anh T và gia đình có sang tìm A mục đích để đón A về thành phố H sinh sống nhưng chị A không đồng ý, từ đó hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Gia đình bà và gia đình T đều theo đạo Thiên Chúa không cho phép bỏ nhau, nhưng do mâu thuẫn đã tới mức đã trầm trọng và đây là lần thứ 2 chị A xin ly hôn, anh T thì cứ bỏ mặc và nói với chị A là việc bỏ thì cứ tự bỏ anh T không đến Tòa. Quan điểm của gia đình xác định vợ chồng A, T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục. Tòa án đã báo gọi anh T, nhưng anh T không đến chứng tỏ anh T muốn gây khó khăn cho chị A chứ tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của chị A.

Tòa tiến hành lấy lời khai của anh Trần Văn Đ là anh trai của anh anh Trần Văn T được biết: Gia đình tổ chức lễ cưới cho em trai là Trần Văn T và chị Nguyễn Thị A theo nghi lễ từ năm 2014. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng về khu 16, phường N sinh sống. Quá trình chung sống do tìm hiểu nhau chưa kỹ, nên trong cuộc sống có phát sinh mâu thuẫn. Đã có thời gian A, T về gia đình bố mẹ đẻ A ở nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra và cả hai không ở với nhau nữa từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không có con chung. Gia đình anh và T đã sang gia

đình chị A gấp gờ, dàn xếp đón chị A về nhưng không được. Chị A 2 lần xin ly hôn, anh T không muốn ly hôn vì là gia đình Công giáo được dạy không được phép ly hôn mà phải sống trọn đời bên nhau. T đã điện thoại cho A nhiều lần, nhưng chị A không chấp nhận vẫn kiên quyết ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố H giao giấy triệu tập, các quyết định anh nhận đã báo thời gian, địa điểm cho em T có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn và xét xử nhưng em T có nói “Nếu cô A làm đơn xin ly hôn thì kệ cô A và Tòa án cứ xét xử, T không đến Tòa để ly hôn”. T là em út trong gia đình, lại sống với vợ chồng anh từ nhỏ anh biết tâm tư và tính cách nên ý kiến của T như vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Theo cung cấp của Công an phường N, thành phố H: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993 đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 16 phường N, thành phố H (Chủ hộ là bà Đào Thị G, sinh năm 1951). Hiện anh Trần Văn T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 16 phường N, thành phố H.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị A giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và đề nghị: Trong quá trình chung sống chị và anh T mâu thuẫn nên chị làm đơn ly hôn sau đó rút đơn, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ. Anh T không biết đó là sự cố gắng của chị để xem xét lại tình cảm vợ chồng mà lại điện cho chị và nói “tại sao lại rút đơn về”, từ đó anh T không gặp chị lần nào và chị nhận thấy rằng anh T không còn tình cảm với chị nên chị tiếp tục xin ly hôn vì chị không thể sống chung với anh T được nữa. Anh T không chấp hành theo giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án mục đích nhằm gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn tại Tòa án. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và giai đoạn xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; người tham gia tố tụng chị A chấp hành và tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T chấp hành không nghiêm quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thành phố Hải Dương đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị A ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình (chị A đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã giao giấy triệu tập đương sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Trần Văn T, anh T vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/02/2018 Tòa quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 02/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị A và anh T sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn lòng tin và tôn trọng nhau do đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 6/2017 chị A làm đơn xin ly hôn sau đó suy nghĩ lại và rút đơn ly hôn về để cố gắng duy trì cuộc hôn nhân với anh T. Phía anh T không chủ động gặp gỡ trao đổi hay tìm cách để thể hiện tình cảm vợ chồng còn hay hết nên chị A tiếp tục xin ly hôn lần thứ hai. Chị A cũng thừa nhận hai gia đình đều theo công giáo không cho phép ly hôn nhưng chị A không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh T được nữa và tìm đến biện pháp ly hôn tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản của Tòa án thông qua gia đình anh T cung cấp, anh T đã biết nhưng không đến Tòa án do anh T không muốn ly hôn vì gia đình theo đạo thiên chúa, anh T không quan tâm đến việc chị A xin ly hôn tại Tòa án. Điều đó chứng tỏ rằng anh T không còn tình cảm với chị A nhưng không có mặt tại Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án mà thôi. Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị A và anh T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị A xin ly hôn anh T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị A ly hôn anh Trần Văn T

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002526 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Dương;
- T.H.A DS TP. Hải Dương;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Nga